

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



ĐINH VĂN TUẤN

PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CÁC DỰ
ÁN NĂNG LƯỢNG SẠCH, QUA THỰC TIỄN
TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Mai Dung**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích và mục tiêu nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn.....	5
7. Bố cục của Luận văn	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SẠCH	6
1.1. Khái quát về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch	6
1.1.1. Khái quát về năng lượng sạch	6
1.1.2. Khái niệm ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch.....	8
1.2. Khái quát về pháp luật ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch	9
1.2.1. Khái niệm pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch .	9
1.2.2. Nội dung pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch .	10
1.3. Kinh nghiệm thực thi pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch của một số quốc gia trên thế giới – hàm ý cho Việt Nam.....	11
1.3.1 Kinh nghiệm ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch của Cộng hòa Liên bang Đức	11
1.3.2. Kinh nghiệm ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch của Malaysia	11
1.3.3. Kinh nghiệm ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch của Đài Loan	11
1.3.4. Hàm ý cho Việt Nam.....	12
Kết luận Chương 1	12
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG	13
2.1. Thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch .	13
2.1.1. Quy định về ưu đãi vốn đầu tư, thuế phí đối với các dự án năng lượng sạch....	13
2.1.2. Quy định về ưu đãi hạ tầng đất đai đối với các dự án năng lượng sạch ...	14
2.1.3. Quy định về ưu đãi thị trường đầu ra đối với các dự án năng lượng sạch	14
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	14
2.2.1. Khái quát về tỉnh Đắk Nông.....	14
2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	15
2.3. Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.....	16
2.3.1. Những ưu điểm đạt được.....	16
2.3.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập.....	17
Kết luận Chương 2	18

CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SẠCH.....	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch	19
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch theo thể chế và đường lối của Đảng.....	19
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch cần đáp ứng yêu cầu rõ ràng, dễ hiểu và đảm bảo thực hiện có hiệu quả	19
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch cần đáp ứng yêu cầu cần đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính nhà nước.....	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch.....	19
3.2.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định pháp luật	19
3.2.2. Ban hành quy định của pháp luật	20
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch	20
3.3.1. Đề xuất với cơ quan thi hành pháp luật.....	20
3.3.2. Đề xuất với các nhà đầu tư các dự án năng lượng sạch	20
3.3.3. Đề xuất với phía cơ quan nhà nước ở Đắk Nông	20
3.3.4. Nâng cao hiểu biết của người dân về các dự án năng lượng sạch	21
Kết luận Chương 3	21
KẾT LUẬN CHUNG	22

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Association of South East Asian Nation Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
FDI	Foreign Direct Investment Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FIT	Feed in Tariffs Biểu giá điện hỗ trợ
GRDP	Gross Regional Domestic Product Tổng sản phẩm trên địa bàn
NLTT	Năng lượng tái tạo
PPA	Power Purchase Agreement Hợp đồng mua bán điện
PPP	Public Private Partnership Đầu tư theo hình thức đối tác công tư
REDA	Recycle Energy Development Act Đạo luật phát triển năng lượng tái tạo
TEA	Taiwan Electricity Act Đạo luật kinh doanh điện của Đài Loan
UBND	Ủy ban nhân dân
WEF	World Economic Forum Diễn đàn kinh tế thế giới

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Nhu cầu sử dụng năng lượng trên thế giới ngày càng tăng mạnh mẽ cùng với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, năng lượng hóa thạch đặc biệt là năng lượng dầu mỏ, than đá vẫn chiếm vai trò vô cùng quan trọng và chưa có nguồn năng lượng nào có thể thay thế. Tuy nhiên, các nguồn năng lượng hiện tại chủ yếu ở dạng không tái tạo được, đang trong tình trạng nhanh chóng bị cạn kiệt và việc sử dụng chúng có nhiều tác động tiêu cực tới môi trường, gây biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính... Trước những ảnh hưởng của việc biến đổi khí hậu do hoạt động phát thải khí nhà kính, nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã đưa ra những cam kết về giảm thiểu phát thải khí nhà kính, cụ thể tại Hội nghị COP26, COP 27, Việt Nam đã đưa ra cam kết *“Mặc dù là nước đang phát triển mới chỉ bắt đầu tiến hành công nghiệp hóa trong hơn ba thập kỷ qua, Việt Nam sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ hơn nữa bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050”*. Trong Báo cáo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022 vừa trình Liên hợp quốc, Việt Nam đặt mục tiêu giảm 43,5% tổng lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030 nếu có sự hỗ trợ từ quốc tế, tăng vượt bậc so NDC năm 2020 (27%).

Trong những năm qua để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chúng ta đã khai thác các nguồn năng lượng hóa thạch sẵn có như than đá, dầu khí. Việc khai thác quá mức làm cho các nguồn năng lượng này đang dần cạn kiệt. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biến đổi khí hậu. Hai nguồn cung điện chính là thủy điện lớn và nhiệt điện không đáp ứng nhu cầu và nước ta vẫn phải nhập khẩu điện. Trong khi đó, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng lớn về năng lượng sạch. Chúng ta có hầu hết các nguồn năng lượng sạch và các điều kiện tự nhiên khác như địa hình, khí hậu, thời tiết... cũng cho phép chúng ta phát triển khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch. Trong số các nguồn năng lượng sạch thì năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh học là có triển vọng phát triển nhất. Vì vậy, xu hướng tất yếu trong tương lai gần là nước ta sẽ mở rộng khai thác, sản xuất và sử dụng các nguồn năng lượng sạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm gần đây, ở nước ta, vấn đề phát triển năng lượng sạch đã được Đảng Cộng sản quan tâm và chỉ đạo thực hiện. Trong Nghị quyết số 24- NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Việt Nam đã thu hút đáng kể việc đầu tư vào phát triển năng lượng xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người lao động; nâng cao trình độ, năng lực sản xuất; tăng thu ngân sách nhà nước, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Việt Nam phần nào đã có những thành công nhất định khi khuyến khích đầu tư năng lượng sạch. Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật với các nội dung về ưu đãi, hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Cụ thể: Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/06/2011 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam, Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/05/2014 về

cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam, Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam. Đặc biệt trong Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định mục tiêu tăng dần tỷ trọng năng lượng tái tạo trong cơ cấu các nguồn năng lượng qua các thời kỳ và đến năm 2050 tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo đạt khoảng 44% trong cơ cấu các nguồn năng lượng. Có thể đánh giá hệ thống văn bản pháp luật về ưu đãi đầu tư phát triển năng lượng sạch ở nước ta còn nhiều hạn chế làm cho thực tế khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch ở nước ta chưa tương xứng với tiềm năng. Trước xu hướng phát triển năng lượng sạch trong tương lai, một yêu cầu bức thiết đặt ra là nghiên cứu xây dựng lý luận pháp luật về phát triển năng lượng sạch. Trên cơ sở lý luận đã xây dựng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, hoàn thiện những quy định pháp luật có tác dụng kích thích phát triển năng lượng sạch.

Khu vực Tây Nguyên nói chung, tỉnh Đắk Nông nói riêng có nhiều tiềm năng, lợi thế về phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Hiện nay, ngoài các dự án đã vận hành, UBND tỉnh đã đề xuất vào danh mục quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045 (Quy hoạch điện VIII) các dự án Điện gió với tổng công suất 3.640 MW, các dự án Điện mặt trời với tổng công suất 3.035 MWp. Từ tiềm năng lợi thế về năng lượng tái tạo, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm, chỉ đạo theo Nghị quyết 55/NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng Quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 58-CT/TU ngày 18/6/2020, UBND tỉnh Đắk Nông đã xây dựng kế hoạch số 484/KH-UBND ngày 11/9/2020 để triển khai thực hiện, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII nhiệm kỳ 2021 – 2025 và các định hướng lớn về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới, trong đó đề ra các giải pháp phát triển dự án năng lượng tái tạo là một trong 3 trụ cột chính, vì vậy công tác nghiên cứu, quy hoạch, đầu tư, khai thác phát triển các nguồn năng lượng sạch tiếp tục được quan tâm.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn trên, tác giả đã chọn đề tài “***Pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch, qua thực tiễn tại tỉnh Đắk Nông***” làm luận văn Thạc sĩ Luật học. Với mong muốn tìm hiểu pháp luật về ưu đãi đầu tư nói chung và ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch nói riêng, đồng thời liên hệ thực tiễn áp dụng pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch tại địa bàn tỉnh Đắk Nông, qua đó đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật ưu đãi đầu tư, từ đó tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng trên cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật về đầu tư, hỗ trợ tối đa cho các nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển năng lượng sạch để thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Liên quan đến đề tài nghiên cứu, đã có không ít các công trình nghiên cứu, nhiều bài viết về năng lượng sạch, pháp luật về ưu đãi đầu tư nói chung và pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch nói riêng, tiêu biểu có thể kể đến:

Hoàn thiện pháp luật về đầu tư năng lượng xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo ở Việt Nam (Nguyễn Thanh Hải, 2020, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội): Luận văn Thạc sĩ đã phân tích về lĩnh vực đầu tư năng lượng xanh, năng lượng sạch,

năng lượng tái tạo; pháp luật về các cơ chế khuyến khích hiện nay, đưa ra đánh giá và giải pháp hoàn thiện pháp luật về khuyến khích đầu tư năng lượng xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

Xây dựng pháp luật về phát triển năng lượng và năng lượng tái tạo ở Việt Nam (Đỗ Việt Hải, Luận văn Thạc sĩ 2018, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội): Pháp luật về phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay tuy đã có nhiều kết quả tích cực trên hầu hết các phương diện từ vấn đề nhận thức, xây dựng chính sách pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, nhưng những kết quả đó chưa thật sự tương xứng với tiềm năng và đòi hỏi của thực tế. Nghiên cứu phân tích sự cần thiết xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phát triển nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, đặt ra vấn đề cần tìm giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác xây dựng pháp luật trong thời gian tới, đưa đất nước phát triển với nền kinh tế xanh, sạch và bền vững.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo ở Việt Nam (Nguyễn Hùng Cường, 2016, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam): Luận án Tiến sĩ trình bày những lợi ích, rào cản và thực trạng chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo của Việt Nam và phân tích chính sách hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo hiện nay, đồng thời đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo phát triển nhằm góp phần giải quyết các thách thức về năng lượng, môi trường và phát triển bền vững của Việt Nam.

Chính sách cho vay đối với các dự án năng lượng tái tạo của các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay (Đặng Hương Giang, Trần Thế Nữ, Tạp chí Công thương 2020): Bài báo tiến hành nghiên cứu chính sách cho vay của các Ngân hàng thương mại Việt Nam, nhằm có cái nhìn tổng quan về chính sách tín dụng đối với các dự án năng lượng tái tạo, qua đó đánh giá những khó khăn, vướng mắc khi các Ngân hàng thương mại thực thi chính sách này.

Nhận diện một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng, áp dụng pháp luật về phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay (Phan Duy Anh, 2016, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội): Việc khai thác, sử dụng năng lượng tái tạo đang là nhu cầu thiết yếu của các quốc gia trên thế giới để đảm bảo phát triển bền vững. Tuy nhiên, việc triển khai các chính sách, quy định trên thực tiễn còn gặp rất nhiều khó khăn chưa đạt được mục tiêu đề ra. Bài viết đưa ra nhằm nhận diện một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng, áp dụng pháp luật về phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Đánh giá phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam từ góc độ bền vững (Phạm Thu Hà, Tạp chí Công thương 2021): Đối với một quốc gia, năng lượng luôn có vai trò rất quan trọng. Phát triển năng lượng bền vững là một trong những tiêu chí đo lường sự thịnh vượng của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, để duy trì được sự phát triển bền vững này lại là một bài toán khó. Bài viết đi sâu phân tích tình hình phát triển bền vững trong ngành Năng lượng tái tạo ở Việt Nam, đồng thời đề xuất nhóm giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn còn tồn tại.

Qua việc phân tích giá trị của các kết quả thu được trong các công trình trên, luận văn kế thừa những kết quả của những nhà khoa học đi trước, cụ thể: các hạn chế, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch; một số giải pháp về sửa đổi bổ sung các quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch... và đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả

thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Mục đích và mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch qua thực tiễn nghiên cứu tại tỉnh Đắk Nông.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Một là, hệ thống cơ sở lý luận về năng lượng sạch, về ưu đãi đầu tư, pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch;

Hai là, phân tích thực trạng các quy định pháp luật hiện hành về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch tại Việt Nam, đánh giá thực tiễn áp dụng của lĩnh vực pháp luật này trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Ba là, trên cơ sở phân tích những điểm hạn chế trong quy định và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch. Luận văn đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này, đồng thời đưa ra kiến nghị nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với năng lượng sạch trên địa bàn nghiên cứu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là một số vấn đề lý luận pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch và thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Bên cạnh đó, luận văn còn nghiên cứu, tham khảo pháp luật một số quốc gia trên thế giới ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch để đưa ra những hàm ý, kinh nghiệm áp dụng cho Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: luận văn chỉ tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch, đồng thời nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực tiễn áp dụng, triển khai các quy định về ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực này, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Phạm vi về không gian: các dự án năng lượng sạch đã, đang và sẽ triển khai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Phạm vi về thời gian: từ khi các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được triển khai, từ năm 2018 đến năm 2022.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Trong quá trình thực hiện, luận văn sử dụng Chủ nghĩa Mác – Lênin về phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được áp dụng:

Phương pháp phân tích và tổng hợp: nghiên cứu các tài liệu, lý luận và quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch và các quy định của pháp luật có liên quan; thông qua việc phân tích các quan điểm khoa học, quy định của pháp luật hiện hành, tổng hợp thành những nhận định, khái niệm khoa học. Phương pháp này được sử dụng trong toàn bộ Luận văn.

Phương pháp hệ thống hóa lý thuyết: hệ thống hóa lý luận khoa học và lý luận pháp luật thành hệ thống trên cơ sở tiếp cận lý thuyết làm rõ một số vấn đề lý luận về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở Chương 1.

Phương pháp so sánh luật: phương pháp này thiết yếu trong việc so sánh pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài để chỉ ra sự tương đồng/ khác biệt, từ đó xác định được những “khiếm khuyết” của pháp luật Việt Nam, gợi mở những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Phương pháp này được sử dụng ở Chương 1.

Phương pháp so sánh, phương pháp đánh giá, phương pháp tổng hợp... được sử dụng tại Chương 2 khi nghiên cứu nội dung và đánh giá thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Phương pháp tổng hợp, phương pháp quy nạp, phương pháp lập luận logic được sử dụng tại Chương 3 khi nghiên cứu kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn

Ý nghĩa lý luận: Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; pháp luật về ưu đãi đầu tư nói chung và các dự án năng lượng sạch Đắk Nông nói riêng.

Ý nghĩa thực tiễn: Thông qua phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, đề xuất các giải pháp có tính khả thi cho việc thu hút đầu tư, hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế ưu đãi đầu tư cho các dự án năng lượng sạch trong giai đoạn mới.

Luận văn sẽ là một tài liệu khoa học để lãnh đạo tỉnh nhà đưa ra những quyết định, văn bản pháp lý tổ chức thực hiện pháp luật ưu đãi đầu tư cũng như thu hút các thành phần kinh tế đầu tư có hiệu quả vào các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới.

7. Bố cục của Luận văn

Ngoài phần Đặt vấn đề, phần Kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được thiết kế ba chương, bao gồm:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Đắk Nông.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SẠCH

1.1. Khái quát về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch

1.1.1. Khái quát về năng lượng sạch

1.1.1.1. Khái niệm năng lượng sạch

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam hiện nay còn nhiều cách hiểu khác nhau về năng lượng sạch. Khái niệm năng lượng sạch, năng lượng xanh chỉ là cách gọi tên còn thực chất các nhà nghiên cứu đang cố gắng đưa ra quan điểm về một loại năng lượng mà việc khai thác, sản xuất, sử dụng chúng tiết kiệm chi phí và thân thiện với môi trường.

Dưới góc độ pháp lý, Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 chỉ nhắc tới việc nhà nước khuyến khích sản xuất, sử dụng “*năng lượng tái sinh*” (Điều 11). Cho đến Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 mới đưa ra khái niệm năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như sau: “*Năng lượng sạch, năng lượng tái tạo là năng lượng được khai thác từ gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối và các nguồn tái tạo khác*” (khoản 1 Điều 33). Theo cách định nghĩa này, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 đồng nhất khái niệm năng lượng sạch với khái niệm năng lượng tái tạo. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 chỉ đưa ra khái niệm năng lượng tái tạo. Theo đó: “*Năng lượng tái tạo là năng lượng được khai thác từ nước, gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, sóng biển, nhiên liệu sinh học và các nguồn tài nguyên năng lượng có khả năng tái tạo khác*” (Khoản 1 Điều 43). Tuy không có khái niệm năng lượng sạch nhưng trong nhiều quy định của Luật lại nhắc tới vấn đề sử dụng năng lượng sạch. Ví dụ, tại Điều 5 của Luật có quy định về chính sách bảo vệ môi trường của nhà nước, một trong những chính sách đó là *phát triển năng lượng sạch* (Khoản 3); tại Điều 6 của Luật có quy định về hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích, một trong những hoạt động đó là *sử dụng năng lượng sạch* (Khoản 4).

Hiện nay trong các văn bản quy phạm pháp luật chưa nêu ra khái niệm riêng biệt về năng lượng sạch mà đặt trong nhóm chung với năng lượng tái tạo. Tác giả cho rằng khái niệm năng lượng sạch hẹp hơn khái niệm năng lượng tái tạo. Năng lượng tái tạo là những loại năng lượng mà nếu đo bằng các chuẩn mực của con người là vô hạn. Tuy nhiên, việc sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo có thể vẫn gây ô nhiễm môi trường. Năng lượng sạch là loại năng lượng có thể tái tạo được nhưng việc sản xuất, sử dụng chúng thân thiện với môi trường và tiết kiệm chi phí. Vậy, khái niệm năng lượng tái tạo bao trùm khái niệm năng lượng sạch. Bởi vì áp lực và cũng là động lực lớn nhất khiến nhiều quốc gia nghiên cứu, sản xuất, sử dụng nguồn năng lượng mới là vấn đề bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Người ta dùng khái niệm năng lượng sạch để chỉ những nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.

Tác giả đưa ra định nghĩa: “*Năng lượng sạch là nguồn năng lượng tái tạo được và việc sản xuất, sử dụng chúng thân thiện với môi trường, tiết kiệm chi phí. Điển hình như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng địa nhiệt, năng lượng từ sóng biển, thủy triều...*”.

1.1.1.2. Đặc điểm của năng lượng sạch

Thứ nhất, năng lượng sạch phải tái tạo được.

Thứ hai, việc khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch ít hoặc không gây ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, việc sản xuất, sử dụng năng lượng sạch tiết kiệm chi phí.

Thứ tư, năng lượng sạch được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội

Với các ưu điểm kể trên của năng lượng sạch, việc phát triển năng lượng sạch là tất yếu khách quan. Để đảm bảo việc phát triển năng lượng sạch diễn ra trong một trật tự phù hợp, mang lại lợi ích cho xã hội, nhà nước cần xây dựng một hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất về phát triển năng lượng sạch cũng như có những quy định chặt chẽ và cụ thể về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch.

1.1.1.3. Các nguồn năng lượng sạch

Thứ nhất, năng lượng mặt trời

Năng lượng mặt trời là năng lượng của dòng bức xạ điện từ xuất phát từ mặt trời, cộng với một phần nhỏ năng lượng của các hạt hạ nguyên tử khác phóng ra từ mặt trời. Đây là nguồn năng lượng phong phú nhất, dồi dào nhất trong tất cả các nguồn năng lượng sẵn có trong tự nhiên.

Từ những năm 50 của thế kỷ trước, nguồn năng lượng mặt trời đã bắt đầu được sử dụng rộng rãi. Hiện nay, các nước đang dẫn đầu trong lĩnh vực năng lượng mặt trời phải kể đến Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Ý, Mỹ, Pháp, Tây Ban Nha...

Năng lượng mặt trời có những ưu điểm như sạch, chi phí nhiên liệu và bảo dưỡng thấp, an toàn cho người sử dụng...

Thứ hai, năng lượng gió

Năng lượng gió được xem là nguồn năng lượng sạch có triển vọng nhất vào đầu thế kỷ 21, tiềm năng của năng lượng gió là rất lớn. Người ta sử dụng sức gió để quay các tua bin phát điện để sử dụng trong cuộc sống. Loại hình này cũng không tạo ra chất thải ô nhiễm môi trường, vì vậy việc tận dụng lợi thế tại những khu vực có lượng gió ổn định để phát triển các nhà máy điện gió sẽ là lời giải cho bài toán năng lượng và môi trường trong thời gian tới.

So với năng lượng mặt trời, năng lượng gió được khai thác hiện nay vẫn còn khá khiêm tốn, mới chỉ chiếm khoảng 1% nhu cầu điện khắp thế giới. Tuy nhiên, đây là nguồn năng lượng sạch dồi dào và phong phú, lại có mặt ở khắp mọi nơi nên con số này được dự kiến sẽ tăng nhanh.

Các “cường quốc” điện gió trên thế giới phải kể đến Trung Quốc, Mỹ, Đức. Tại Việt Nam, với bờ biển dài, lượng gió nhiều và phân bố đều quanh năm, đây đang là dạng năng lượng được khuyến khích phát triển bên cạnh điện mặt trời.

Thứ ba, năng lượng sóng biển, thủy triều

Đây là một nguồn năng lượng sạch khác cũng đầy hứa hẹn và đang được nhiều nước đầu tư nghiên cứu, khai thác đến từ sóng biển. Mỗi trạm điện sóng biển có các phao nổi, di chuyển theo tác động của sóng biển; chuyển động lên xuống của chúng được sử dụng để chạy máy phát điện.

Đây là nguồn năng lượng cực lớn và trường tồn với thời gian. Theo ước tính, sản lượng điện được khai thác chỉ từ 0,1% năng lượng sóng biển trên toàn cầu cũng sẽ đủ cung cấp cho cả nhân loại.

Thứ tư, năng lượng địa nhiệt

Địa nhiệt là nguồn nhiệt năng có sẵn trong lòng đất. Cụ thể hơn, nguồn năng lượng nhiệt này tập trung ở khoảng vài km dưới bề mặt Trái Đất, phần trên cùng của vỏ Trái Đất. Cùng với sự tăng nhiệt độ khi đi sâu vào vỏ Trái Đất, nguồn nhiệt lượng

liên tục từ lòng đất này được ước đoán tương đương với một khoảng năng lượng 42 triệu MW.

Năng lượng địa nhiệt đã được khai thác và sử dụng từ đầu thế kỷ 20 và các quốc gia hiện đang dẫn đầu về sản xuất điện địa nhiệt là Mỹ, Philippines, Indonesia.

Thứ năm, năng lượng sinh khối

Sinh khối bao gồm cây cối, tảo và các loài thực vật khác; bã nông nghiệp và lâm nghiệp, giấy vụn, mêtan từ các bãi chôn lấp, trạm xử lý nước thải, phân từ các trại chăn nuôi...

Năng lượng sinh khối có thể tạo nhiệt, sản xuất điện năng, làm nguyên liệu cho giao thông vận tải. Trên quy mô toàn cầu, năng lượng sinh khối đang chiếm khoảng 14-15% tổng năng lượng tiêu thụ, đứng thứ 4 trong các nguồn năng lượng được khai thác.

Ở các nước đang phát triển, nguồn năng lượng sạch này đóng góp khoảng 35% trong tổng cung cấp năng lượng. Riêng trong lĩnh vực điện sinh khối, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... đang là những nước phát triển các nhà máy điện sinh học, thị trấn sinh khối cho công suất rất lớn.

1.1.2. Khái niệm ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch

1.1.2.1. Khái niệm ưu đãi đầu tư

Theo định nghĩa Diễn đàn của Liên hợp Quốc về thương mại và phát triển thì, khuyến khích đầu tư hay còn gọi là ưu đãi đầu tư là các biện pháp được Chính phủ sử dụng để thu hút đầu tư, hướng các dự án đầu tư vào các ngành, các khu vực cần thiết hoặc ảnh hưởng đến tính chất đầu tư. Xét ở góc độ pháp lý, khuyến khích đầu tư được hiểu là tất cả những quy định do Nhà nước ban hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi hoặc tạo ra những lợi ích nhất định cho các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài khi tiến hành đầu tư vào nền kinh tế, trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, của nền kinh tế - xã hội và của các nhà đầu tư.

Khái niệm ưu đãi đầu tư có thể hiểu một cách đơn giản là việc giành những điều kiện, quyền lợi đặc biệt hơn so với người khác.

Pháp luật đầu tư Việt Nam không đưa ra một định nghĩa cụ thể về ưu đãi đầu tư nên khái niệm về thuật ngữ này chỉ được tiếp cận dưới góc độ khoa học pháp lý.

Ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch được hiểu là tổng hợp các quy định của Nhà nước ban hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi hoặc đem lại những lợi thế nhất định cho nhà đầu tư trong nước cũng như nhà đầu tư nước ngoài khi tiến hành hoạt động đầu tư phát triển các dự án về năng lượng sạch tại một quốc gia nhất định, trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và của nhà đầu tư.

1.1.2.2. Đặc điểm của ưu đãi đầu tư

Thứ nhất, ưu đãi đầu tư được thể hiện thông qua các quy định của pháp luật do Nhà nước ban hành: Ưu đãi đầu tư luôn gắn liền với Nhà nước.

Thứ hai, ưu đãi đầu tư là công cụ để Nhà nước thúc đẩy hoạt động đầu tư: Nhà nước có thể sử dụng nhiều công cụ nhiều biện pháp khác nhau như chính sách, kế hoạch đầu tư, đòn bẩy kinh, pháp luật... để thúc đẩy hoạt động đầu tư.

Thứ ba, ưu đãi đầu tư phản ánh mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và nhà đầu tư: Trong mối quan hệ này, Nhà nước là chủ thể quyết định các biện pháp ưu đãi đầu tư; nhà đầu tư là chủ thể nhận ưu đãi; khách thể của quan hệ này chính là ưu đãi cụ thể nhưng các khoản lợi về thuế tiền thuê đất...

Thứ tư, ưu đãi đầu tư tạo điều kiện thuận lợi hơn cho một số nhà đầu tư so với các nhà đầu tư khác.

Thứ năm, biện pháp ưu đãi đầu tư có thể thay đổi theo thời gian.

1.1.2.3. Vai trò của ưu đãi đầu tư

Thứ nhất, thu hút vốn đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài

Các chính sách ưu đãi đầu tư đều nhằm thu hút vốn đầu tư, đây là mục đích cuối cùng của bất cứ quốc gia nào khi đưa ra những chính sách này. Đối với đầu tư trong nước, Nhà nước sẽ tạo điều kiện cho các nguồn vốn của nhà đầu tư trong nước đổ vào nền kinh tế. Không chỉ dừng lại ở việc khuyến khích đầu tư vào những ngành nghề trọng điểm, những địa bàn có kinh tế phát triển mạnh mà Nhà nước còn nhấn mạnh chủ trương khuyến khích các nhà đầu tư rót vốn vào những địa bàn, ngành nghề đang định hướng phát triển trong tương lai và những địa phương đang cần vốn để phát triển cân đối với kinh tế vùng.

Thứ hai, thông qua chính sách ưu đãi đầu tư, Nhà nước sẽ chủ động cơ cấu lại nền kinh tế

Như đã đề cập ở phần đặc điểm của ưu đãi đầu tư, Nhà nước không đưa ra những chính sách đồng đều cho nhà đầu tư trong mọi trường hợp mà là sẽ có những biện pháp khuyến khích khác nhau dựa trên tiêu chí ngành nghề và địa bàn nơi dự án đầu tư vào. Không phải ngành nghề nào cũng được hưởng những chính sách ưu đãi đầu tư mà tùy thuộc vào ngành nghề cụ thể, nhà đầu tư có thể được hưởng ưu đãi hoặc có thể phải chịu những ràng buộc nhất định.

Thứ ba, tạo ra sự đồng bộ của hệ thống pháp luật đầu tư phù hợp với thông lệ quốc tế

Việc ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư không chỉ tạo ra ưu thế môi trường đầu tư để thu hút lượng lớn vốn đầu tư so với các nền kinh tế khác mà việc đưa ra những ưu đãi đầu tư xét trên một phương diện nào đó còn mang tính bắt buộc. Việc các quốc gia hợp tác quốc tế trên lĩnh vực thương mại đưa đến hàng loạt vấn đề cần giải quyết của từng quốc gia với mục đích để nhà nước có thể tiến hành hoạt động thương mại sao cho phù hợp với hoạt động thương mại trước nay của mình và cũng phù hợp với mục tiêu phát triển chung của các đối tác thương mại. Trong đó, vấn đề cần giải quyết nhanh chóng là hoàn thiện hệ thống pháp luật sao cho vừa phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước của mỗi quốc gia mà vẫn phù hợp với những cam kết trong pháp luật quốc tế.

1.2. Khái quát về pháp luật ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch

1.2.1. Khái niệm pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch

Khi nhà nước nhận thức được phát triển năng lượng sạch là cần thiết thì việc xây dựng hành lang pháp lý cho lĩnh vực này là tất yếu. Pháp luật ưu đãi đầu tư phát triển năng lượng sạch là tổng hợp các quy phạm pháp luật kích thích trực tiếp và gián tiếp tới lợi ích của chủ thể khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch. Theo đó, pháp luật ưu đãi đầu tư phát triển năng lượng sạch bao gồm cả những ưu đãi về lợi ích tài chính và những quy định khác (như ưu đãi về thị trường đầu ra cho năng lượng sạch; vị trí, vai trò của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong phát triển năng lượng sạch; hợp tác quốc tế trong phát triển năng lượng sạch...).

Tác giả mạnh dạn đưa ra khái niệm: Pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các chủ thể thực

hiện các dự án, các hoạt động khác nhau nhằm khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch hoặc kích thích việc khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch hiệu quả mang lại lợi ích cho toàn xã hội.

1.2.2. Nội dung pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch

1.2.2.1. Quy định ưu đãi về vốn đầu tư, thuế phí

Nhà đầu tư vào các dự án năng lượng sạch được huy động vốn dưới các hình thức được pháp luật cho phép từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Các dự án phát triển và sử dụng nguồn năng lượng sạch được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án. Chính phủ cũng miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án phát triển và sử dụng nguồn năng lượng sạch được thực hiện thuộc lĩnh vực được ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế.

Các chính sách ưu đãi về thuế đối với các doanh nghiệp sử dụng năng lượng sạch được quy định như giảm thuế để khuyến khích đầu tư, chuyển tiền hoặc tăng tốc độ khấu hao, nhập khẩu miễn thuế cho các thiết bị không sản xuất trong nước và chỉ giới hạn cho các thiết bị sử dụng trong công nghiệp năng lượng sạch, các doanh nghiệp, xí nghiệp nhập khẩu các nguồn cung cho ngành công nghiệp để xây dựng hoặc vận hành các cơ sở sản xuất năng lượng sạch phải được miễn thuế.

Thứ nhất, quy định ưu đãi về thuế suất

Đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất năng lượng sạch sẽ được hưởng một mức thuế suất ưu đãi theo quy định trong một thời gian nhất định. Thời gian áp dụng được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế.

Thứ hai, quy định ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế

Bên cạnh ưu đãi về thuế suất, thu nhập từ dự án sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch còn được ưu đãi theo hình thức miễn thuế có thời hạn. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế.

1.2.2.2. Quy định ưu đãi về hạ tầng đất đai

Ưu đãi liên quan tới đất đai có thể áp dụng với chủ thể khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch bao gồm:

- Được cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất nhanh chóng để tiến hành các hoạt động phục vụ cho khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch. Trách nhiệm này thuộc cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.

- Được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất. Việc quy định miễn, giảm và thời gian miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phục vụ cho khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch phải cụ thể về mức miễn, giảm và thời gian miễn, giảm

1.2.2.3. Quy định ưu đãi về thị trường đầu ra (ưu đãi về giá điện)

Xây dựng chính sách giá điện và đảm bảo đầu tư. Xây dựng giá FiT cho các dạng năng lượng sạch nối lưới; các đơn vị điện lực có trách nhiệm mua toàn bộ lượng điện năng sản xuất từ năng lượng tái tạo thông qua hợp đồng mua bán điện mẫu, chi phí mua điện từ các dự án năng lượng sạch được tính vào giá thành bán điện, dự án năng lượng sạch được ưu tiên đầu nối với hệ thống điện quốc gia, chi phí đấu nối và chi phí khác từ năng lượng sạch được tính vào phí truyền tải, phân phối điện.

1.3. Kinh nghiệm thực thi pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch của một số quốc gia trên thế giới – hàm ý cho Việt Nam

1.3.1 Kinh nghiệm ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch của Cộng hòa Liên bang Đức

Cộng hòa liên bang Đức đã trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới xây dựng chiến lược nền kinh tế “năng lượng xanh”.

Về ưu đãi vốn đầu tư, thuế, phí: Chính phủ Đức đã đầu tư hàng chục tỷ Euro cho việc nghiên cứu và sử dụng năng lượng tái tạo cũng như đưa ra nhiều ưu đãi như giảm thuế để khuyến khích người dân chuyển sang dùng năng lượng sạch. Luật Năng lượng tái tạo của Đức (EEG) được xây dựng và có hiệu lực năm 2000, trong đó có những quy định cụ thể về các chính sách ưu đãi thuế đối với các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

Về ưu đãi thị trường đầu ra cho các dự án năng lượng sạch: Luật Năng lượng Tái tạo (EEG) ra đời năm 2000 quy định việc Chính phủ cam kết một mức giá cố định và có hiệu lực 20 năm cho việc mua điện từ nguồn năng lượng tái tạo hòa lưới FiT. Những chính sách ưu đãi về giá điện từ các dự án năng lượng sạch được Chính phủ Đức thực hiện từ năm 1991.

1.3.2. Kinh nghiệm ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch của Malaysia

Về ưu đãi vốn đầu tư cho các dự án năng lượng sạch: Malaysia đã thành công trong việc thúc đẩy tăng trưởng đầu tư vào năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời. Malaysia cho phép nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tới 49% vốn cổ phần trong một công ty được thành lập tại Malaysia để sản xuất điện, có thể là từ nguồn tái tạo, hoặc nguồn khác.

Luật năng lượng tái tạo hiện hành của Malaysia bao gồm:

- Đạo luật Cung cấp Điện năm 1990 (Electricity Supply Act- ESA).
- Đạo luật Năng lượng Tái tạo năm 2011 (Renewable Energy Act- REA).

Về ưu đãi thị trường đầu ra của các dự án năng lượng sạch: Đối với Đạo luật Năng lượng Tái tạo, SEDA là cơ quan quản lý biểu giá FIT cho các nhà sản xuất điện được tạo ra từ các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo theo thỏa thuận mua bán điện năng lượng tái tạo (RePPA) với Công ty Điện lực Tenaga Nasional của Malaysia. Theo REA và Đạo luật Cung cấp điện ESA, bất kỳ nhà phát triển, hoặc nhà đầu tư nào muốn thành lập nhà máy phát điện năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên 30 MW phải được cấp phép theo Đạo luật Cung cấp điện.

1.3.3. Kinh nghiệm ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch của Đài Loan

Năm 2005, Đài Loan đã ban hành Đạo luật Phát triển Năng lượng Tái tạo (Recycle Energy Development Act - REDA), mở đường cho năng lượng sạch, năng lượng tái tạo Đài Loan phát triển, quy tụ nhiều doanh nghiệp tham gia tích cực như: Sun Rise E&T Corporation, Swancor Renewable Energy (SRE) và Sysgration Ltd.

Về cơ bản, mục tiêu ban hành REDA nhằm để:

Thứ nhất, khai thác nhiều nguồn năng lượng sạch như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt và những nguồn khác, đặc biệt là tăng công suất lắp đặt.

Thứ hai, về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch, REDA đưa ra chính sách tín dụng và ưu đãi về thuế, giảm thuế để khuyến khích đầu tư, chuyển tiền, hoặc tăng tốc độ khấu hao.

Thứ ba, qua REDA, Đài Loan cung cấp mức trợ giá, sử dụng mức hỗ trợ cố định, không liên quan đến giá điện.

Thứ tư, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào thị trường năng lượng sạch, năng lượng tái tạo thông qua việc thiết lập các dự án xây dựng công cộng có sự tham gia của các doanh nghiệp.

Ngoài các chính sách kinh tế, Đài Loan còn áp dụng chính sách phi kinh tế, đặc biệt là thúc đẩy lĩnh vực nghiên cứu và phát triển để phát huy nguồn năng lượng tái tạo, bảo hộ quyền tác giả cho các phát minh, cải tiến kỹ thuật về năng lượng tái tạo.

Tăng cường công tác tuyên truyền, đưa vào chương trình giáo dục năng lượng ở các trường học, giúp các trường tuyên truyền chính sách bảo vệ môi trường hiệu quả và xa hơn là chọn nhân tài cho lĩnh vực năng lượng, môi trường trong tương lai.

1.3.4. Hàm ý cho Việt Nam

Thứ nhất, từ kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới như Đức, Đài Loan và Malaysia cho thấy: Xây dựng Luật năng lượng tái tạo sẽ là giải pháp “điểm nhấn” then chốt, tiên quyết cho việc phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Cần có chính sách xây dựng Luật năng lượng tái tạo rõ ràng dựa trên thực tế và xu hướng thế giới.

Thứ hai, từ kinh nghiệm của Đài Loan cho thấy, thông qua Đạo luật Năng lượng Tái tạo, Đài Loan cung cấp mức trợ giá, sử dụng mức hỗ trợ cố định, không liên quan đến giá điện cho thị trường đầu ra của các dự án năng lượng sạch.

Thứ ba, từ thực tiễn Malaysia đã thành công trong việc thúc đẩy tăng trưởng đầu tư vào năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời.

Kết luận Chương 1

Trong chương 1, tác giả trình bày cơ sở lý luận về pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch liên quan đến khái niệm, đối tượng, đặc điểm, vai trò của pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch. Tiếp đến, tác giả trình bày những nội dung trong các quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch như ưu đãi về thuế, ưu đãi về đất đai, ưu đãi về thị trường đầu ra như chính sách giá điện cho các dự án năng lượng sạch.

Từ kinh nghiệm thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch của một số quốc gia trên thế giới như Đức, Đài Loan, Malaysia, tác giả đã rút ra được một số hàm ý cho Việt Nam trong vấn đề ưu đãi đầu tư và phát triển các dự án năng lượng sạch.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

2.1. Thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch

2.1.1. Quy định về ưu đãi vốn đầu tư, thuế phí đối với các dự án năng lượng sạch

2.1.1.1. Về huy động vốn đầu tư các dự án năng lượng sạch

Theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của nhà nước, các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo thuộc danh mục các dự án được vay vốn tín dụng đầu tư. Theo đó, các chủ đầu tư các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo có thể vay vốn tín dụng tại Ngân hàng phát triển Việt Nam để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/03/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của nhà nước: “*Dự án đầu tư xây dựng nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng: Gió, mặt trời, địa nhiệt, sinh học, điện sinh khối và các tài nguyên năng lượng khác có khả năng tái tạo*” thuộc danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư.

2.1.1.2. Về ưu đãi thuế đối với các dự án năng lượng sạch

Thứ nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới về sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm. Bên cạnh đó, nhà đầu tư còn được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi này được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu.

Việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo được thực hiện như đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật trong Luật Đầu tư.

Các dự án phát triển năng lượng sạch thuộc danh mục các dự án được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

*Ưu đãi về thuế suất:

Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực năng lượng sạch được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm.

Trường hợp dự án đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao hoặc mới cần đặc biệt thu hút đầu tư thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi 10% có thể kéo dài thêm nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá 30 năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư.

*Ưu đãi về miễn, giảm thuế:

Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực năng lượng sạch được miễn thuế 04 năm, được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thứ hai, về thuế nhập khẩu:

Căn cứ khoản 1 Điều 19 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và quy định tại khoản 11 và khoản 13 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2019/QH13, các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án.

Pháp luật cũng quy định các dự án năng lượng sạch được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án.

Thứ ba, về thuế Giá trị gia tăng

Một là, cá nhân, hộ gia đình thực hiện dự án điện từ năng lượng sạch như điện mặt trời trên mái nhà có mức doanh thu trên 100 triệu đồng/năm thuộc đối tượng áp dụng tỷ lệ thuế giá trị gia tăng trên doanh thu quy định đối với hoạt động sản xuất theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

Hai là, cá nhân, hộ gia đình thực hiện dự án điện mặt trời có doanh thu 100 triệu đồng/năm trở xuống thì doanh thu bán điện thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

Ba là, doanh nghiệp có dự án điện từ năng lượng sạch nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thực hiện bán điện thì xuất hóa đơn và kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Bốn là, trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án điện năng lượng sạch có công suất dưới 50kw thuộc đối tượng áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng thì thực hiện kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng quy định cho hoạt động sản xuất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

2.1.2. Quy định về ưu đãi hạ tầng đất đai đối với các dự án năng lượng sạch

Việc triển khai các dự án năng lượng sạch cần một diện tích đất tương đối lớn. Các dự án điện gió, điện mặt trời và công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện quốc gia được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (điểm a, khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai năm 2013). UBND tỉnh có trách nhiệm giao đất để chủ đầu tư thực hiện các dự án năng lượng sạch trên địa bàn.

Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê thì dự án thuộc ngành nghề đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước sẽ được miễn tiền thuê đất 11 năm sau khi miễn 3 năm thời hạn xây dựng cơ bản. Trường hợp dự án thuộc ngành nghề trên và thực hiện tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn thì được miễn 15 năm.

2.1.3. Quy định về ưu đãi thị trường đầu ra đối với các dự án năng lượng sạch

Việc áp dụng các biện pháp ưu đãi về thị trường đầu ra sẽ giúp cho các sản phẩm năng lượng sạch nhanh được người tiêu dùng biết đến và sử dụng nhiều hơn. Đây cũng là giải pháp nhằm tăng tỷ lệ năng lượng sạch trong cơ cấu năng lượng. Áp dụng biện pháp ưu đãi về thị trường đầu ra phải tính tới các điểm đặc thù của các nguồn năng lượng sạch. Hiện nay, sản phẩm năng lượng sạch được biết đến nhiều nhất là điện (điện gió, điện mặt trời).

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

2.2.1. Khái quát về tỉnh Đắk Nông

2.2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Đắk Nông là khu vực chuyển tiếp giữa hai tiểu vùng khí hậu Tây Nguyên và Đông nam bộ, chế độ khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhưng có sự nâng lên của địa hình nên có đặc trưng của khí hậu cao nguyên nhiệt đới ẩm, vừa chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam khô nóng. Theo đó, tỉnh có tổng số giờ nắng cao, đạt từ 2.000-2.600 giờ/năm. Bức xạ mặt trời trung bình 150

kcal/m², chiếm khoảng 2.000-5.000 giờ/năm; hướng gió thịnh hành mùa mưa là Tây Nam, hướng gió thịnh hành mùa khô là Đông Bắc, tốc độ gió bình quân 2,4 – 5,4 m/s. Vì vậy, Đắk Nông có tiềm năng, lợi thế lớn để thúc đẩy phát triển năng lượng sạch như điện gió, điện mặt trời.

2.2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Tình hình dân số và lao động

Ngành năng lượng sạch ước tính sẽ đem lại khoảng 2.100 – 2.500 việc làm mới cho tỉnh Đắk Nông, với giả định là sẽ cần 5 công nhân/1 MW trong giai đoạn xây dựng công trình và sẽ tạo ra từ 7 – 11 việc làm lâu dài tại địa phương/100 MW. Trong đó, 1.600 việc làm mới mang tính chất ngắn hạn trong giai đoạn xây dựng; 500 – 900 việc làm mới mang tính chất dài hạn sau khi các dự án đưa vào vận hành. Một trong những lợi thế của Đắk Nông được các chuyên gia đánh giá đó là dân số trẻ, giúp bài toán về nguồn nhân lực tại chỗ sẽ dễ dàng hơn nếu tỉnh có đủ hạ tầng cần thiết về đào tạo nhân lực cho phát triển ngành năng lượng sạch.

Tình hình phát triển kinh tế

Triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Đắk Nông đã đề ra nhiệm vụ đổi mới công tác thu hút đầu tư và xây dựng chiến lược thu hút đầu tư. Tỉnh tập trung kêu gọi đầu tư ưu tiên các dự án có hàm lượng công nghệ cao, sử dụng ít tài nguyên và thân thiện với môi trường.

Tỉnh Đắk Nông chú trọng ban hành thêm các chính sách mới, dành những ưu đãi đặc biệt và hỗ trợ tốt nhất cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; đẩy nhanh cải các thủ tục hành chính, hoàn thiện cơ chế “một cửa liên thông” trong thu hút đầu tư.

2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

2.2.2.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi vốn đầu tư, thuế phí đối với các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Về huy động vốn đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thời gian qua, nhiều dự án điện gió đã được UBND tỉnh Đắk Nông chấp thuận chủ trương đầu tư. Cụ thể như Nhà máy điện gió Đắk N'Drưng 1, Đắk N'Drưng 2, Đắk N'Drưng 3 với tổng công suất 300 MW, Nhà máy điện gió Asian Đắk Song 1 với công suất 50 MW, Nhà máy điện gió Đắk Hòa với công suất 50 MW và Nhà máy điện gió Nam Bình 1 với công suất 30 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến của 6 dự án nêu trên lên đến gần 15.000 tỷ đồng.

Theo số liệu thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông, đến hết năm 2022, tỉnh đã thu hút đầu tư hơn 18.000 tỷ đồng cho các dự án phát triển năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh.

Về ưu đãi thuế, phí đối với các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Quy định về ưu đãi thuế thu nhập đối với dự án phát triển năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là là hợp lý. Việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp như vậy làm cho lợi nhuận của nhà đầu tư ở lĩnh vực này tăng lên. Chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cùng với các chính sách ưu đãi khác nhằm thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực phát triển năng lượng sạch.

Quy định về miễn thuế nhập khẩu hàng hóa, thiết bị cho các dự án phát triển năng lượng sạch tại Đắk Nông trong thời gian qua được áp dụng theo những quy định trên.

Tại Đắk Nông, các dự án điện từ năng lượng sạch như nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn có công suất là 44,4 MWp, với tổng vốn đầu tư hơn 1.107,9 tỷ đồng, được

triển khai trên tổng diện tích 50,77 ha tại thôn 5, xã Trúc Sơn (Chư Jút); Nhà máy Điện mặt trời Cư Jut, đặt tại thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông được xây dựng trên diện tích 62 ha, công suất 50 MW, tổng vốn đầu tư 1.367 tỷ đồng. Các dự án trên ngoài được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất; ưu đãi thuế nhập khẩu, cùng một số điều kiện khác, còn được hưởng ưu đãi thuế giá trị gia tăng theo quy định trên của pháp luật về các dự án điện từ năng lượng sạch.

2.2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi hạ tầng đất đai đối với các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Các quy định về ưu đãi hạ tầng đất đai cho khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được thực hiện phù hợp với các quy định hiện nay của pháp luật nước ta. Trong quá trình thực hiện các quy định này, khó khăn lớn nhất đó là khu vực có thể khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch bị “chồng lấn” lên khu vực quy hoạch kinh tế - xã hội khác. Nguyên nhân là do khâu lập quy hoạch phát triển năng lượng sạch và lập các loại quy hoạch khác.

Tiêu biểu tại Đắk Nông có thể kể đến ba dự án điện gió ba dự án điện gió Đắk N’Drung 1, Đắk N’Drung 2 và Đắk N’Drung 3, ba dự án có tổng công suất 300MW, sản lượng điện hàng năm vào khoảng 930 GWh, vốn đầu tư dự kiến hơn 10.500 tỷ đồng, tổng diện tích đất cần chuyển đổi cho cả 3 dự án gần 56ha và số tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất khoảng 60 tỷ đồng.

2.2.2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật ưu đãi về thị trường đầu ra đối với các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Việc đầu tư các dự án điện gió ở Đắk Nông phù hợp với định hướng phát triển năng lượng quốc gia của Bộ Chính trị và chiến lược phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tạo động lực phát triển mới cho ngành công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo của tỉnh.

Tuy nhiên, một thực trạng hiện nay ở Đắk Nông chính là có một số dự án đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch điện VII nhưng chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư.

2.3. Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

2.3.1. Những ưu điểm đạt được

Hiện nay, Tỉnh Đắk Nông chưa ban hành các Nghị quyết chuyên đề cụ thể nào về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh mà chỉ đang thực hiện theo Nghị quyết Trung ương bằng một số chỉ thị cụ thể trong thời gian qua. Từ tiềm năng lợi thế về năng lượng tái tạo, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm, chỉ đạo theo Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng Quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 58-CT/TU ngày 18/6/2020, UBND tỉnh Đắk Nông đã xây dựng Kế hoạch số 484/KH-UBND ngày 11/9/2020 để triển khai thực hiện, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII nhiệm kỳ 2021-2025 và các định hướng lớn về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới, trong đó đề ra các giải pháp phát triển dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo là một trong 3 trụ cột chính; vì vậy công tác nghiên cứu, quy hoạch, đầu tư, khai thác phát triển các nguồn điện năng lượng sạch và

năng lượng mới (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, các dạng năng lượng tái tạo khác...) được tiếp tục quan tâm, chỉ đạo trên cơ sở quy hoạch phát triển điện quốc gia được duyệt và khả năng vận hành của hệ thống điện khu vực; đồng thời xác định năng lượng tái tạo là cơ sở phát triển của tỉnh trong kết hợp tổ hợp khai thác bauxit – sản xuất Alumin – luyện nhôm với năng lượng tái tạo.

Về tình hình đầu tư phát triển điện mặt trời, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 02 dự án nhà máy điện mặt trời, với tổng công suất 106,4 MWp đã đưa vào vận hành, gồm: Nhà máy điện mặt trời Cư Jút, Nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn. Ngoài ra có 1.632 hệ thống điện mái nhà với tổng công suất khoảng 377 MWp trên địa bàn các huyện, thành phố; 01 dự án thuộc Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2025 đã UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương; 04 dự án điện mặt trời với tổng công suất 795 MWp, được Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch, các nhà đầu tư đang đề xuất chủ trương đầu tư để triển khai đầu tư theo quy định. Ngoài ra, UBND tỉnh đã đề xuất Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch, đăng ký danh mục các dự án điện mặt trời với tổng công suất 3.035 MWp vào Quy hoạch điện VIII.

Về tình hình đầu tư phát triển điện gió: Có 06 dự án với tổng công suất 430 MW, đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất bổ sung quy hoạch. Hiện nay có 01 dự án đã đi vào vận hành thương mại; 01 dự án đã triển khai đầu tư xây dựng xong, chưa vận hành; các dự án còn lại đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư. Ngoài ra, UBND tỉnh đã đề xuất Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch, đăng ký danh mục các dự án điện gió với tổng công suất 3.640 MW vào Quy hoạch điện VIII).

Ngoài ra, theo Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 về việc ban hành danh mục quốc gia các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 – 2025, trên địa bàn tỉnh có các dự án năng lượng tái tạo gồm: dự án điện gió tại huyện Tuy Đức với công suất 500 MW, dự án điện mặt trời tại huyện Krông Nô với quy mô công suất 800 MWp. Hiện nay, UBND tỉnh đã giao các cơ quan đơn vị có liên quan theo dõi quy hoạch, tham mưu triển khai các công tác có liên quan.

Năm 2021, các nguồn thu ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh từ các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, nhập khẩu thiết bị đầu tư dự án năng lượng tái tạo đạt trên 700 tỷ đồng, chiếm trên 26% nguồn thu ngân sách địa phương.

Riêng các dự án có nhà máy đặt trên địa bàn tỉnh, tổng sản lượng điện sản xuất 06 tháng đầu năm 2022 ước thực hiện 922,84 triệu kWh, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2021, đạt trên 40% kế hoạch đề ra. Dự kiến đến cuối năm 2022, dự án Nhà máy thủy điện Nam Long với công suất 9 MW, nhà máy điện gió Nam Bình với công suất 30 MW đi vào hoạt động và phát điện thương mại, tổng sản lượng điện sản xuất toàn tỉnh năm 2022 có thể đạt 2.250 triệu kWh. Ngoài ra tình hình Covid-19 đã được kiểm soát, nền kinh tế đã dần được phục hồi, các ngành sản xuất, tiêu dùng bình thường trở lại nhu cầu phụ tải tăng cao thì các nguồn điện sẽ không còn bị tiết giảm công suất; do đó, năm 2022 dự kiến sản lượng điện sản xuất dự kiến sẽ đạt và vượt kế hoạch.

2.3.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

2.3.2.1. Hạn chế về khía cạnh các quy định của pháp luật

Thứ nhất, hiện nay chưa có các chính sách ưu đãi và thủ tục pháp lý rõ ràng để tăng sự quan tâm của các nhà đầu tư trong việc phát triển các dự án năng lượng sạch. Trong khi các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ cho các nhà đầu tư thời gian qua chưa đưa ra được định hướng lâu dài. Tiêu biểu như quy định về hỗ trợ giá điện FIT chỉ có hiệu lực

trong một thời gian ngắn đến hết năm 2020, đến nay vẫn chưa có quy định mới để thay thế.

Thứ hai, như những địa phương khác trên cả nước, việc đấu thầu giá điện để chọn nhà đầu tư dự án năng lượng tái tạo tại Đắk Nông hiện chưa có căn cứ để triển khai theo Bộ Công Thương.

Thứ ba, thiếu quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn của các dự án năng lượng sạch: Cần có các tiêu chuẩn và chứng chỉ để đảm bảo rằng thiết bị được sản xuất hoặc mua sắm từ nước ngoài phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành.

Bốn là, về quy định hỗ trợ giá điện. Giá điện từ nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo hiện cao hơn so với giá điện từ nguồn năng lượng truyền thống (nhiệt điện, thủy điện lớn...).

Năm là, Các quy định về hỗ trợ các dự án điện mặt trời mái nhà có một số bất cập như sau:

- Quy định hệ thống điện mặt trời mái nhà có công suất không quá 1 MW, áp dụng chung cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp là chưa hợp lý.

- Quy định các hộ gia đình phải bán toàn bộ điện sản xuất và mua toàn bộ nhu cầu điện từ đơn vị điện lực.

2.3.2.2. Hạn chế về công nghệ

Phát triển không đồng bộ giữa các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo với lưới điện truyền tải.

Việc không đồng bộ giữa phát triển nguồn năng lượng sạch và lưới điện truyền tải đã gây ra các điểm “nghẽn” về truyền tải, phải giảm công suất phát của các nguồn.

Thiếu nguồn nhân lực trình độ cao.

Việc thiếu thiết bị, linh kiện và phụ tùng thay thế cũng đòi hỏi chi phí sản xuất tăng đáng kể, bởi các mặt hàng này cần phải nhập khẩu từ các nước khác, do đó phải mua với giá cao và do đó làm tăng chi phí chung.

2.3.2.3. Các khó khăn, hạn chế trong việc chấp nhận từ xã hội

Có hiện tượng mọi người nói chung ủng hộ sạch, nhưng lại phản đối dự án ở khu vực lân cận của họ. Các đề xuất dự án điện tái tạo thường vấp phải sự phản đối của người dân và một số tổ chức xã hội. Sự phản đối của công chúng xảy ra vì một số lý do, bao gồm tác động cảnh quan, suy thoái môi trường và thiếu sự quan tâm tham vấn giữa các cộng đồng địa phương.

Kết luận Chương 2

Các quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư dự án năng lượng sạch luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm và là nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển của ngành sản xuất điện năng lượng sạch, năng lượng tái tạo ở bất kỳ quốc gia nào. Việc phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch cho thấy một bức tranh toàn cảnh về thực trạng pháp luật nước ta hiện nay về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch.

Ở chương này, luận văn tập trung phân tích đánh giá về tiềm năng phát triển năng lượng sạch ở tỉnh Đắk Nông, thực trạng thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch và đã tìm ra được những nguyên nhân của các mặt hạn chế cần khắc phục, làm cơ sở cho việc đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện của lĩnh vực pháp luật này.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SẠCH

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch theo thể chế và đường lối của Đảng

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được đưa ra trong Nghị quyết 13 của Đảng là “Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc; Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt”.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch cần đáp ứng yêu cầu rõ ràng, dễ hiểu và đảm bảo thực hiện có hiệu quả

Để có thể đạt được mục tiêu phát triển bền vững năng lượng tái tạo cần hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển năng lượng tái tạo, nhất là hoàn thiện các quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư để khuyến khích phát triển mạnh năng lượng sạch, bao gồm cơ chế giá, phí và cơ chế đầu tư theo hướng khắc phục những hạn chế thời gian qua. Đồng thời, sớm nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật Năng lượng sạch, năng lượng tái tạo nhằm thể chế hóa, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở pháp lý, về chính sách phát triển năng lượng tái tạo nói chung và cụ thể chi tiết các phân ngành năng lượng sạch như: Điện mặt trời, điện gió; đồng thời, góp phần thu hút các nguồn lực cho phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch cần đáp ứng yêu cầu cần đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính nhà nước

Tăng cường cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là một trong mười hai nhiệm vụ và giải pháp được Chính phủ đặt ra trong Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2021 và những tháng đầu năm 2022 kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá XV.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch

3.2.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định pháp luật

Một là, cần thống nhất khái niệm năng lượng sạch để xác định đối tượng được hưởng các chính sách ưu đãi.

Hai là, hiện nay chưa có sự thống nhất giữa các quy định trong việc xác định năng lượng sạch giữa Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Bảo vệ môi trường, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Chính vì vậy, trước hết cần thống nhất khái niệm năng lượng sạch ở các văn bản quy phạm pháp luật. Trong luận văn này, tác giả đã đưa ra được khái niệm về năng lượng sạch.

Ba là, sửa đổi về thời gian hưởng ưu đãi về thuế từ 3 năm lên 5 năm.

Bốn là, cần bổ sung vào thuế giá trị gia tăng quy định ưu đãi đối với các hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án sản xuất năng lượng sạch.

3.2.2. Ban hành quy định của pháp luật

Quy định về chính sách giá FIT hiện nay đã hết hạn áp dụng từ năm 2020. Việt Nam có thể kết hợp những quy định về ưu đãi, hỗ trợ với cơ chế thị trường và lập quy định giá điện FiT mới ưu đãi, ổn định, minh bạch, có tính dự báo cao để tạo niềm tin cho các nhà đầu tư tư nhân đầu tư lâu dài và bền vững ở Việt Nam. Việc xây dựng cơ chế chính sách cụ thể về giá điện cũng cần gắn liền với các chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững để đảm bảo việc phát triển thị trường được bền vững và ổn định, sử dụng tài nguyên một cách hợp lý và khoa học.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về pháp luật ưu đãi đầu tư các dự án năng lượng sạch

3.3.1. Đề xuất với cơ quan thi hành pháp luật

Thứ nhất, về quy trình cấp phép đầu tư, phát triển, xây dựng, vận hành dự án, Việt Nam nên tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, trong đó có việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước khác nhau khi thực hiện các thủ tục về đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng... để cắt giảm các chi phí hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả đầu tư của khu vực tư nhân, cũng như hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Thứ hai, về hoạch định chính sách vĩ mô, Việt Nam có thể tiếp tục thực hiện định hướng phát triển theo Chiến lược phát triển năng lượng sạch, trong đó có việc tập trung nguồn lực, khai thác và sử dụng tối đa tiềm năng năng lượng sạch trong nước bằng những công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng miền, mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường.

3.3.2. Đề xuất với các nhà đầu tư các dự án năng lượng sạch

Một là, tăng cường trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, đầu tư vào các dự án năng lượng sạch tại Việt Nam; tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực, trong đó có hợp tác ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh môi trường, phòng, chống tội phạm về môi trường...

Hai là, các nhà đầu tư cần nghiêm túc thực hiện theo đúng Luật Đầu tư với quyết định chủ trương đầu tư có thời hạn nhất định.

Ba là, đề nghị các nhà đầu tư tập trung nghiên cứu đầu tư vào điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều là những nguồn năng lượng rất có tiềm năng phát triển tại Việt Nam; mong các nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án theo quy định của pháp luật với sự hỗ trợ của các bộ, ngành, cơ quan, hai bên cùng giải quyết các thủ tục nhanh chóng.

Bốn là, nhà đầu tư nên kiểm tra Danh mục các hàng hóa và sản phẩm được miễn thuế nhập khẩu hàng năm được Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố, tránh trường hợp thực hiện sai quy định của pháp luật, gây mất thời gian, trì trệ dự án và lãng phí tiền bạc, nhân lực.

3.3.3. Đề xuất với phía cơ quan nhà nước ở Đắk Nông

Cần phát huy vai trò của UBND tỉnh Đắk Nông về phát triển năng lượng sạch.

UBND tỉnh Đắk Nông với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương cần phải có cơ chế giám sát chặt chẽ đảm bảo việc giải phóng mặt bằng, giao đất cho các chủ đầu tư dự án khai thác, sản xuất năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh. Những quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đối với các dự án năng lượng sạch cần phải

công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật và đảm bảo hài hòa lợi ích của người dân địa phương.

3.3.4. Nâng cao hiểu biết của người dân về các dự án năng lượng sạch

Đẩy mạnh tuyên truyền và phổ biến kiến thức đến với người dân về tầm quan trọng, hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của phát triển và sử dụng năng lượng sạch trong quá trình phát triển bền vững là cần thiết, giúp người dân có những hành động thiết thực đóng góp cho phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. Đồng thời giáo dục ý thức tiết kiệm sử dụng nguồn năng lượng sạch của người dân.

Kết luận Chương 3

Tại chương 3, trên cơ sở đi sâu phân tích giữa lý luận và thực trạng thực hiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch trong những năm qua và chiến lược phát triển các dự án năng lượng sạch của tỉnh Đắk Nông trong những năm đến, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch, theo đó định hướng hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này cần phù hợp với yêu cầu tinh thần Nghị quyết 13 của Đảng, yêu cầu đáp ứng tính đồng bộ, khả thi và đảm bảo thực hiện có hiệu quả cũng như đáp ứng được yêu cầu cải cách thủ tục hành chính của Nhà nước. Luận văn cũng đã đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các quy định của pháp luật ưu đãi đầu tư trong thời gian đến.

KẾT LUẬN CHUNG

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng về năng lượng sạch, đặc biệt là các nguồn năng lượng từ sức gió, năng lượng mặt trời. Các nguồn năng lượng này đóng vai trò ngày càng quan trọng trong bối cảnh hiện nay, góp phần đảm bảo nhiều mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội - môi trường, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Thông qua việc áp dụng pháp luật ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch như các cơ chế ưu đãi về thuế, phí, hạ tầng đất đai, thị trường đầu ra thông qua cơ chế biểu giá mua điện ưu đãi FiT, trong thời gian vừa qua, Việt Nam đã thu hút khu vực tư nhân đầu tư, phát triển các dự án này, đặc biệt là các dự án điện mặt trời trên mặt đất nổi lưới, hệ thống điện mặt trời mái nhà, điện gió trên bờ và điện gió ngoài khơi.

Mặc dù vậy, nước ta đang gặp những khó khăn và thách thức nhất định về đầu tư lưới điện để tích hợp các nguồn năng lượng điện này. Khung chính sách cũng còn có một số vấn đề nhất định có thể cải thiện, bao gồm cơ chế chia sẻ rủi ro theo hợp đồng mua bán điện; quy trình cấp phép bổ sung dự án vào quy hoạch, đầu tư, phát triển và xây dựng dự án còn tốn nhiều thời gian và phức tạp.

Trong giai đoạn tới đây, Việt Nam có thể tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật để đảm bảo thích ứng và phù hợp hơn với tình hình mới, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả hơn trong việc thực thi và áp dụng pháp luật ưu đãi đầu tư đối với các dự án năng lượng sạch.

Liên hệ thực tiễn tại địa phương, để tiếp tục thực hiện hiệu quả, phấn đấu đạt được các mục tiêu đã đề ra của Chương trình số 58-CT/TU ngày 18/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 484/KH-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phát triển năng lượng sạch tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Sở Công Thương nhận thấy cần phải thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp chính về phát triển nguồn năng lượng sạch như sau:

Tập trung công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng của người dân để hiểu rõ về tầm quan trọng, hiệu quả kinh tế, xã hội của việc phát triển và sử dụng năng lượng sạch. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức đến mọi người dân về tầm quan trọng, hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường của việc phát triển và sử dụng năng lượng sạch trong quá trình phát triển bền vững để từ đó có những hành động thiết thực đóng góp cho việc phát triển năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh.

Phát triển năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, đảm bảo khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thu hút, khuyến khích nhà đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ để phục vụ phát triển nguồn năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh, nhất là việc đầu tư các nhà máy sản xuất các thiết bị phục vụ các dự án năng lượng sạch ngay tại địa phương. Quan tâm các chính sách về đất đai, thuế, tín dụng ưu đãi... để phát triển các dự án năng lượng sạch.

Theo dõi, đề xuất kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) xem xét, chỉ đạo đẩy nhanh đầu tư xây dựng hạ tầng truyền tải trong quy hoạch điện lực để giải tỏa công suất cho các dự án năng lượng

sạch trên địa bàn tỉnh; báo cáo và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét có cơ chế, chính sách để các nhà đầu tư năng lượng sạch cùng tham gia xây dựng hạ tầng truyền tải điện để sớm đẩy nhanh tiến độ đầu tư hệ thống điện trên địa bàn cũng như khu vực.

Thực hiện đồng bộ công tác quy hoạch phát triển nguồn và lưới điện, trong đó tính toán, đưa ra giải pháp cụ thể về giải tỏa, hấp thu tối đa các nguồn năng lượng sạch trên địa bàn và khu vực. Phối kết hợp các nước có kinh nghiệm về nguồn năng lượng tái tạo để điều tra, đánh giá tiềm năng để đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch nguồn năng lượng sạch làm cơ sở để thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

Lựa chọn các Nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đảm bảo các điều kiện để triển khai dự án, bởi đây là nhân tố quyết định chất lượng, tiến độ của các dự án năng lượng tái tạo, cũng như cơ sở để sớm phát triển các ngành công nghiệp tỉnh Đắk Nông.

Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng trên cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật về đầu tư, hỗ trợ tối đa cho các nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển năng lượng sạch. Công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư năng lượng sạch để thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển năng lượng sạch.